

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 5 - 2022.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Sơn.

2. Bà Lê Thị Bích Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 52/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022, Thông báo chuyển ngày xét xử số 22/2022/QĐST - HNGĐ ngày 12/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 213/2022/QĐST – HNGĐ ngày 25/4/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phan Trần Thùy D**, sinh năm 1979.

Địa chỉ cư trú: Số nhà B ấp Đ, xã TX, huyện HM, Thành phố HCM.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1979

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà B ấp Đ, xã TX, huyện HM, Thành phố HCM.

Địa chỉ cư trú: Thôn VA1, xã NT, huyện TN, tỉnh QN.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 17/02/2022, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Phan Trần Thùy D trình bày:

Bà và ông T quen biết tìm hiểu, yêu thương một thời gian thì tự nguyện tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TX, huyện HM, Thành phố HCM vào năm 2019.

Sau khi cưới, bà và ông T chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do ông T không chung thủy. Đầu năm 2021 bà và ông T đưa con về QN sinh sống cùng gia đình chồng nhưng mâu thuẫn vẫn tiếp tục. Tháng 4/2021, bà bỏ về Thành phố HCM sinh sống đến nay và ly thân ông T. Nay xét thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Về con chung: Bà và ông T có một con chung là cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 11/8/2020. Khi bà về thành phố HCM thì ông T không cho bà dẫn cháu K theo theo, nên hiện tại cháu K đang ở với ông T. Khi ly hôn bà yêu cầu nhận nuôi cháu K và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về sản chung: Vợ chồng bà không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng bà không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 03/3/2022, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày: Về đăng ký kết hôn, con chung, nợ, tài sản như bà D trình bày là đúng. Về mâu thuẫn sau khi kết hôn, ông làm ăn sinh sống ở tỉnh Long An thì bà D hay ghen tuông vô cớ, thường gây gổ nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Đầu năm 2021, vợ chồng ông cùng cháu Khải về quê ông ở xã NT, huyện TN, tỉnh QN sinh sống. Sống được 01 tháng thì bà D giận hờn rồi bỏ về Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó bà D quay lại QN tiếp tục sống cùng ông được 01 tháng thì bà bỏ về Thành phố HCM sống đến nay.

Nay, bà D xin ly hôn ông đồng ý. Khi ly hôn ông xin nhận nuôi con chung là cháu Nguyễn Tuấn K và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

- Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Về hôn nhân, bà D yêu cầu ly hôn được ông T chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của nguyên đơn và bị đơn; về con chung do cháu Nguyễn Tuấn K dưới 36 tháng tuổi, nên đề nghị giao cháu Nguyễn Tuấn K cho bà D nhận chăm sóc nuôi dưỡng, bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Bà D phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn cư trú tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông T, bà D tìm hiểu yêu thương, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TX, huyện HM, Thành phố H CM vào năm 2019, nên quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà D là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về mâu thuẫn thấy rằng: Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, các đương sự khai không thống nhất, nhưng cả hai thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không muốn đoàn tụ và đã ly thân từ tháng 4/2021 đến nay, đời sống hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên đơn yêu cầu ly hôn, bị đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà D với ông T là phù hợp với quy định Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có một con chung là cháu Nguyễn Tuấn K sinh ngày 11/8/2020 và hiện đang ở với ông T tại thôn VA1, xã NT, huyện TN, tỉnh QN. Bà D và ông T đều yêu cầu giành quyền nuôi cháu K. Xét thấy về điều kiện thu nhập và hoàn cảnh sống của nguyên, bị đơn tương tự nhau, nhưng cháu K sinh tháng 8/2020 đến nay là 21 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*, nên việc giao cháu K cho ông T nuôi dưỡng là trái luật định. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D, giao cháu Nguyễn Tuấn K cho bà D nhận chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên. Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét

[2.3]. Về tài sản chung, nợ: Các đương sự trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông T, bà D mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn, nhưng bà D tự nguyện nộp (chịu) thay phần ông T, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1

Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phan Trần Thùy D với ông Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 11/8/2020 cho bà Phan Trần Thùy D nhận chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Hiện cháu K đang sống với ông T nên ông T có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Tuấn K cho bà D. Bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Phan Trần Thùy D tự nguyện chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002020 ngày 18/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Tân Xuân, huyện Hooc Môn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Hùng

